ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 124/2026/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 31 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP, Nghị định số 42/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 564/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 5 năm 2026; ý kiến Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 646/BC-STP ngày 18 tháng 5 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan quản lý nhà nước trong việc giải quyết thủ tục hành chính về chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.

Việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác ngoài đáp ứng các tiêu chí, điều kiện chung theo quy định của pháp luật về đất đai, lâm nghiệp và trồng trọt phải đảm bảo các tiêu chí, điều kiện sau:

1. Có phương án trồng rừng thay thế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2026.

2. Quyết định số 05/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng;
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVBVQLXLVPHC - BTP;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐB Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng NN-XD;
- Lưu: VT, L011703, TH313/5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử